

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08/5/2023

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Hường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Phương

Ông Nguyễn Đức Kha

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BG tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 08/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 253/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2023 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị N, sinh năm 1990 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Chiền, xã Đan Hội, huyện LN, tỉnh BG.

Hiện nay đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Chiền, xã Đan Hội, huyện LN, tỉnh BG. Hiện nay đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

Nơi cư trú cuối cùng anh của Đức ở Việt Nam: Thôn Chiền, xã Đan Hội, huyện LN, tỉnh BG.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Duy B, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

2. Bà Dương Thị L, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn Chiền, xã Đan Hội, huyện LN, tỉnh BG.

3. Ông Vũ Trí X, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn Đồng Côm, xã Cẩm Lý, huyện LN, tỉnh BG.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Vũ Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy Đ trước khi kết hôn hai bên có tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đan Hội, huyện LN ngày 18/5/2009. Ban đầu có hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2014, anh Đ đi lao động tại Đài Loan hai vợ chồng vẫn liên lạc với nhau. Đến năm 2016 chị cũng đi lao động tại Đài Loan nhưng đến năm 2017 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không còn liên quan đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy Đ.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 26/02/2010 và cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 22/5/2015. Khi anh chị làm việc tại Đài Loan thì hai cháu ở cùng ông bà nội là ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị L. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị giao cháu Nguyễn Duy N cho anh Đ nuôi dưỡng, do anh Đ đang ở nước ngoài nên đề nghị Tòa án giao cháu Nam cho ông bà nội nuôi dưỡng. Đề nghị giao cháu Nguyễn Duy T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, khi chị ở nước ngoài làm việc thì giao cháu Tùng cho ông bà ngoại là ông Vũ Trí X, bà Nguyễn Thị S nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ: chị không yêu cầu nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là anh Nguyễn Duy Đ hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Đ đến nay không nhận được thông tin của anh Đ.

\* Ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị L trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Duy Đ. Anh Đ hiện đang lao động tại Đài Loan và vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua mạng xã hội. Về địa chỉ của anh Đ ở Đài Loan ông bà không biết cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được. Ông bà đã trao đổi với anh Đ về việc chị N đề nghị ly hôn thì anh Đ có ý kiến đồng ý ly hôn với chị N do tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung anh Đ đồng ý với ý kiến chị N, anh Đ nhận nuôi cháu Nguyễn Duy N và nhờ ông bà nuôi dưỡng cháu Nam khi anh Đ đang ở nước ngoài. Anh Đ đồng ý giao cháu Nguyễn Duy T cho chị N nuôi dưỡng và không đề nghị cấp dưỡng nuôi con.

Nếu Tòa án giao cháu Nguyễn Duy N cho anh Đ nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ ở nước ngoài ông bà sẽ nhận nuôi dưỡng cháu Nam. Ông bà không đề

ngợi anh chị cấp dưỡng nuôi cháu Nam và đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và các phiên tòa xét xử vụ án.

\* Ông Vũ Trí X và bà Nguyễn Thị S trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Vũ Thị N, việc chị N và anh Đ ly hôn ông bà không có ý kiến gì. Về trách nhiệm nuôi con chung theo ý kiến của chị N ông bà đồng ý, nếu Tòa án giao cháu Nguyễn Duy T cho chị N nuôi dưỡng thì ông bà đồng ý nhận nuôi dưỡng cháu Tùng trong thời gian chị N ở nước ngoài. Ông bà không đề nghị anh chị cấp dưỡng nuôi cháu T. Ông bà đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và các phiên tòa xét xử vụ án.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N, ông X, bà S, ông B, bà L xin vắng mặt. Anh Đ vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Duy Đ.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 26/02/2010 cho anh Nguyễn Duy Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục nhưng tạm giao cháu N cho ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Đ về nước sinh sống. Giao cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 22/5/2015 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục nhưng tạm giao cháu T cho ông Vũ Trí X và bà Nguyễn Thị S chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị N về nước sinh sống. Về việc cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về công nợ: chị N xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vũ Thị N có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Nguyễn Duy Đ. Bị đơn anh Nguyễn Duy Đ là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thôn Chiền, xã Đan Hội, huyện LN, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 28327/QLXNC-P5 ngày 23/12/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Đ đã xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 05/8/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Ngày 04/01/2023, chị Vũ Thị N cũng đã xuất cảnh, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Nguyễn Duy Đ được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh BG, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị N, ông X, bà S, ông B, bà L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã làm việc với ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị L là bố mẹ đẻ của anh Đ xác định ông bà vẫn thường liên hệ với anh Đ qua mạng xã hội, về địa chỉ của anh Đ ở Đài Loan thì ông bà không biết cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Đ theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N, anh Đ, ông Xuê, bà Sáu, ông Bắc, bà Lân.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Duy Đ đăng ký kết hôn ngày 18/5/2009 tại UBND xã Đan Hội, huyện LN, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Đ. HĐXX thấy: Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc và vợ chồng anh đã có 02 con chung. Tuy nhiên sau khi anh chị đi nước ngoài làm việc thì đến năm 2017 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không còn liên quan đến cuộc sống của nhau nữa. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Đ.

[4]. Về con chung: Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Duy Đ có 02 con chung là

cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 26/02/2010 và cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 22/5/2015. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án cả anh Đ và chị N đều đang ở nước ngoài, không có mặt ở tại địa phương, không có địa chỉ cụ thể. Cả cháu N và cháu T đều đang ở cùng ông bà nội là ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị L; cháu N có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội; cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ và ông bà ngoại. Chị N có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Duy T và đồng ý để anh Đ nuôi cháu Nguyễn Duy N.

Đồng thời ông Vũ Trí X và bà Nguyễn Thị S cũng đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tùng giúp chị N cho đến khi chị N về nước; ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị L cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu Nam giúp anh Đ cho đến khi anh Đ về nước. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy T nhưng tạm giao cho ông Vũ Trí X và bà Nguyễn Thị S nuôi dưỡng trong thời gian chị N ở nước ngoài. Giao cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy N nhưng tạm giao cháu N cho ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị L nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Duy Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy N, sinh ngày 26/02/2010 cho anh Nguyễn Duy Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi nhưng tạm giao

cho ông Nguyễn Duy B, bà Dương Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Nguyễn Duy Đ về nước sinh sống hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 22/5/2015 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi nhưng tạm giao cho ông Vũ Trí X và bà Nguyễn Thị S chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Vũ Thị N về nước sinh sống hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000762 ngày 15/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh BG.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Duy Đ và chị Vũ Thị N hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh BG;
- Cục THADS tỉnh BG
- UBND xã Đan Hội, huyện LN;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Hải Hương**